TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thúy N - sinh năm 1991.
ĐKHKTT: tổ 24, khu 4A, phường V, thành phố T, tỉnh A.
- *Bị đơn:* Anh Lê Hoài N - sinh năm 1983.
ĐKHKTT: tổ 24, khu 4A, phường V, thành phố T, tỉnh A.
Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thúy N trình bày: chị N và anh Lê Hoài N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2013 anh N đi lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoài N.

Về con chung: Chị Trần Thúy N xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 19/9/2011. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Trần Thúy N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thúy N tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thúy N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Chị Trần Thúy N trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh N cho Tòa án được. Chị N đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh N ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh N là ông Lê Văn D và bà Phùng Thị T.

Thân nhân của anh Lê Hoài N - ông Lê Văn D và bà Phùng Thị T trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Lê Hoài N, anh N hiện nay đang ở nước ngoài (Hàn Quốc). Hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh N qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở chỗ nào tại Hàn Quốc vì anh N không nói cho ông bà biết. Do vậy ông D và bà T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh N tại Hàn Quốc cho Tòa án. Ông D và bà T cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N được biết. Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh N, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy N. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thúy N được ly hôn anh Lê Hoài N. Về con chung: giao cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 19/9/2011 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Trần Thúy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thúy N nộp đơn xin ly hôn với anh Lê Hoài N tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn chị N trình bày hiện nay anh N đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số: 10002/QLXNC-P3 ngày 13/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Lê Hoài N, sinh ngày 25/12/1983, đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 20/3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này anh N không có mặt ở Việt Nam và chị N đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thúy N và anh Lê Hoài N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/11/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh A. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Trong thời gian anh N đi nước ngoài giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoài N .

Anh Lê Hoài N hiện nay đang ở nước ngoài, chị Trần Thúy N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Lê Hoài N ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị N, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh N ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh N là ông Lê Văn D và bà Phùng Thị T.

Bố mẹ đẻ của anh Lê Hoài N - ông Lê Văn D và bà Phùng Thị T cung cấp thông tin như sau: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh N nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài vì anh N không nói cho ông bà được biết. Do vậy, ông D và bà T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh N cho Tòa án được. Ông D và bà T cũng nhất trí nhận thay anh N các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh N đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Trần Thúy N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoài N là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị N được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Trần Thúy N và anh Lê Hoài N có 01 con chung là cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 19/9/2011. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy hiện nay anh N đang ở nước ngoài và không có văn bản gì trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu L thể hiện có mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy để cháu L được đảm bảo phát triển tốt nhất cần giao cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: chị Trần Thúy N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thúy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thúy N được ly hôn với anh Lê Hoài N.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 19/9/2011 cho chị Trần Thúy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Lê Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu.

Anh Lê Hoài N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thúy N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000187 ngày 11/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Trần Thúy N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Lê Hoài N là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh